

KHUNG MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I – MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6
NĂM HỌC: 2024 – 2025

a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: *Kiểm tra giữa học kì 1*
- Thời gian làm bài: *60 phút.*
- Hình thức kiểm tra: *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*
- Cấu trúc:
 - Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*
 - Phần trắc nghiệm: *4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 10 câu, thông hiểu: 6 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*
 - Phần tự luận: *6,0 điểm (Nhận biết: 1,5 điểm; Thông hiểu: 1,5 điểm; Vận dụng: 3,0 điểm; Vận dụng cao).*

Chủ đề		MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Tổng điểm (%)
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
Sinh học	Kính lúp .kính hiển vi		1 (0,25)								1 (0,25 đ)	0,25

	Tế bào		3 (0,75)		2 (0, 5)	1 (1,0)				1 (1,0 đ)	5 (1,25 đ)	2.25
Vật lí	Các phép đo (10 tiết)		3 (0,75đ)		2 (0,5 đ)	1 (1,0đ)				1 (1,0 đ)	5 (1,25 đ)	2,25
	Lực trong đời sống (6 tiết)	1 (0,5đ)		1 (1,0đ)	1 (0,25đ)	1 (1,0đ)				3 (2,5 đ)	1 (0,25 đ)	2,75
Hóa học	Mở đầu KHTN		3 (0,75đ)								3 (0,75đ)	0,75
	Sự đa dạng của chất			$\frac{1}{2}$ (0,5đ)	1 (0,25)					$\frac{1}{2}$ (0,5đ)		0,75
	Các thể của chất và sự chuyển thể	$\frac{1}{2}$ (1đ)								$\frac{1}{2}$ (1đ)		1
Tổng câu		1,5	10	1,5	6	3				16	6	
Tổng điểm		1,5	2,5	1,5	1,5	3				4	6	10
% điểm số		40%		30%		30%						100%

2) Bản đặc tả

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
1. Mở đầu (7 tiết)						
- Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	Nhận biết	– Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.		1		C1
		– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.		1		C13
		– Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.		2		C14, C15
		– Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...).				
	Thông hiểu					
		– Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.				
		– Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.				
		– Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.				
	Vận dụng bậc thấp					
		– Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.				
		– Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		hành.				
	2. Các phép đo (10 tiết)					
- Đo chiều dài, khối lượng và thời gian - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ	Nhận biết	- Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian.		1		C8
		- Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian.		1		C7
		- Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian.		2		C9,C10
		– Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.				
		- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ)				
		– Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.		1		C11
		– Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.				
		– Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.				
		- Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.				
	Vận dụng bậc thấp	-Dùng dụng cụ nào để đo các tình huống trong thực tế	1		C18	
		- Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.				
		– Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) <i>(không yêu cầu tìm sai số)</i> .				
	Vận dụng bậc cao	Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa.				
	3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí (4 tiết)					
– Sự đa dạng của chất – Ba thể (trạng thái) cơ bản của – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất	Nhận biết	- Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...).				
		- Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.	1		C22a	
	Thông hiểu	- Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh.	1		C22b	
		– Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất.		1		C16
		– Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.				
		– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể lỏng.				
		– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể khí.				
		- So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi.				
		– Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).				
		– Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.				
		– Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).				
		– Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.				
		– Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.				
	Vận dụng					

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		– Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại.				
		– Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí.				
		– Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.				
		– Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.				
	Vận dụng cao	- Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.				
		- Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí. – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.				
	6. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống (9 tiết)					
1– Khái niệm tế bào – Hình dạng và kích thước tế bào	Nhận biết					
		- Nêu được khái niệm tế bào.		1		C3
		- Nêu được chức năng của tế bào.				
		- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.		1		C2
		- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
– Cấu tạo và chức năng tế bào – Sự lớn lên và sinh sản của tế bào – Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống		- Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.		1		C6
		- Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật.				
		- Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.				
	Thông hiểu					
		– Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào.		1		C4,5
		– Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.				
		– Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào).				
	Vận dụng bậc thấp					
		– Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật, tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.				
		- Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.	1		C17	
	7. Từ tế bào đến cơ thể (7 tiết)					

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
– Từ tế bào đến mô – Từ mô đến cơ quan – Từ cơ quan đến hệ cơ quan – Từ hệ cơ quan đến cơ thể	Thông hiểu					
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể.				
	Vận dụng bậc thấp					
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô. Từ đó, nêu được khái niệm mô.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan. Từ đó, nêu được khái niệm cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan. Từ đó, nêu được khái niệm hệ cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể. Từ đó, nêu được khái niệm cơ thể.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
	Vận dụng bậc cao	Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Lấy được các ví dụ minh họa trong thực tế.				
	8. Lực trong đời sống					
	Nhận biết	- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. - Nêu được đơn vị lực đo lực. - Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật.	1		C21	
	Thông hiểu	- Hiểu vật bị tác dụng lực, là lực gì - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. - Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế).		1		C12

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		-Cho được ví dụ vật chịu tác dụng của lực sẽ làm vật biến dạng, biến đổi chuyển động , thay đổi hướng	1		C20	
	Vận dụng	- Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó.	1		C19	

Tổ duyệt

Giáo viên ra đề

Hồ Thị Ánh Nguyệt

Phan Thị Thảo

Huỳnh Thị Thanh Yên

TRƯỜNG TH & THCS NGUYỄN DU Họ và tên:.....Lớp 6.	KIỂM TRA GIỮA KỲ I, NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN- LỚP 6
Thời gian làm bài: 60 phút (Không kể thời gian giao đề)	
ĐIỂM:	NHẬN XÉT CỦA THẦY/CÔ

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1. Sử dụng kính lúp cầm tay như thế nào là đúng?

- A. Đặt kính gần sát vật rồi đưa kính ra xa dần để thấy rõ vật.
- B. Đặt kính rất xa vật.
- A. Đặt kính gần sát mắt.
- D. Đặt kính chính giữa mắt và vật.

Câu 2. Nhận định nào đúng khi nói về hình dạng và kích thước tế bào?

- A. Các loại tế bào đều có chung hình dạng và kích thước.
- B. Các loại tế bào thường có hình dạng khác nhau nhưng kích thước giống nhau.
- C. Các loại tế bào khác nhau thường có hình dạng và kích thước khác nhau.
- D. Các loại tế bào chỉ khác nhau về kích thước, chúng giống nhau về hình dạng.

Câu 3. Tế bào nhân thực khác với tế bào nhân sơ là có

- A. màng tế bào
- B. nhân hoàn chỉnh
- C. tế bào chất
- D. nhân

Câu 4. Nhân/vùng nhân của tế bào có chức năng gì?

- A. Tham gia trao đổi chất với môi trường
- B. Là trung tâm điều khiển mọi hoạt động của tế bào
- C. Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào
- D. Là nơi tạo ra năng lượng cung cấp cho mọi hoạt động của tế bào

Câu 5. Tế bào động vật không có bào quan nào dưới đây?

- A. Ti thể.
- B. Không bào.
- C. Lục lạp.
- D. Ribosome.

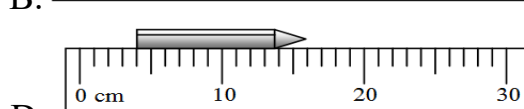
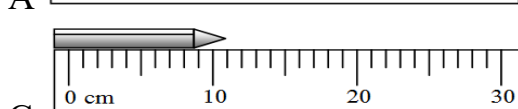
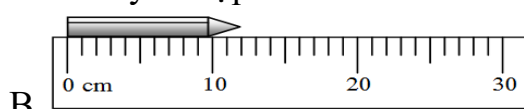
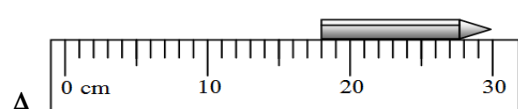
Câu 6. Thành phần nào giúp lục lạp có khả năng quang hợp?

- A. Carotenoid
- B. Xanthophyll
- C. Phycobilin
- D. Diệp lục

Câu 7. Đơn vị nào là đơn vị đo độ dài hợp pháp của nước ta?

- A. Centimét (cm)
- B. Đềximét (dm)
- C. Mét (m)
- D. Kilômét (km)

Câu 8. Đo chiều dài của chiếc bút chì theo cách nào sau đây là hợp lí nhất?



Câu 9. Để đo khối lượng của một vật ta dùng dụng cụ nào?

- A. Thước.
- B. Nhiệt kế.
- C. Cân.
- D. Đồng hồ.

Câu 10. Để đo thời gian chạy ngắn 100m ta sử dụng đồng hồ nào để đo là hợp lí nhất?

- A. Đồng hồ bấm giây
- C. Đồng hồ quả lắc
- B. Ong hồ quả lắc.
- D. Đồng hồ đeo tay.

Câu 11. Trong thang nhiệt độ Xen-xi-út, nhiệt độ của nước đang sôi là:
A. 200°C . B. 80°C C. 100°C . D. 10°C .

Câu 12. Lực của lực sĩ cử tạ tác dụng lên quả tạ, đưa quả tạ lên cao là một
A. Lực kéo B. Lực nén C. Lực đẩy D. Lực nâng

Câu 13. Khoa học tự nhiên *không* bao gồm lĩnh vực nào sau đây?
A. Vật lí học B. Khoa học Trái Đất C. Thiên văn học D. Tâm lí học

Câu 14. Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?
A. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của bàn bẻ trong lớp.
B. Có thể nhận biết hóa chất bằng cách ngửi hóa chất.
C. Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.
D. Mang đồ ăn vào phòng thực hành.

Câu 15. Hoạt động nào sau đây **không** thực hiện đúng quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

- A. Đeo găng tay khi làm thí nghiệm.
- B. Không ăn uống, đùa nghịch trong phòng thí nghiệm.
- C. Để hóa chất không đúng nơi quy định sau khi làm xong thí nghiệm.
- D. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của giáo viên.

Câu 16. Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất vật lí ?

- A. Đun nóng đường đến khi xuất hiện chất màu đen và hơi nước.
- B. Cô cạn nước đường thu được đường kết tinh.
- C. Để lâu ngoài không khí, lớp ngoài của đinh sắt biến thành gỉ sắt màu nâu, giòn và xốp.
- D. Hơi nến cháy trong không khí chứa oxygen tạo thành carbon dioxide và hơi nước.

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 17. (1,0 đ) Tại sao tế bào được coi là đơn vị cơ bản của sự sống?

Câu 18. (1,0 đ). Cho các dụng cụ sau: đồng hồ bấm giây, thước dây, kính lúp, kéo, búa, nhiệt kế y tế, thước kẻ, cốc đồng, cân khối lượng, ống hút nhỏ giọt. Bạn An thực hiện một số phép đo sau, em hãy giúp bạn bằng cách lựa chọn dụng cụ đo phù hợp cho mỗi phép đo sao cho thực hiện dễ dàng và cho kết quả chính xác nhất.

STT	Phép đo	Tên dụng cụ đo
1	Đo thân nhiệt(nhiệt cơ thể)	
2	Đo khối lượng cơ thể	
3	Đo diện tích lớp học	
4	Đo thời gian đun sôi một lít nước	

Câu 19. (1,0 đ). Biểu diễn các lực F có phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải, độ lớn 4N với tỉ xích 1 cm ứng với 2 N.

Câu 20.(1,0 đ) . Hãy cho một ví dụ chứng tỏ lực tác dụng làm cho vật bị biến dạng và một ví dụ chứng tỏ lực tác dụng làm cho vật bị biến đổi chuyển động.

Câu 21. (0,5 đ). Dụng cụ đo lực là gì, nêu đơn vị đo lực và kí hiệu?

Câu 22: (1,5đ)

- a) Thế nào là sự nóng chảy? Thế nào là sự hoá hơi?
- b) Hãy cho ví dụ về một vật thể tự nhiên và một vật thể nhân tạo và nêu một số chất có chứa trong các vật thể đó.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I, NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN- LỚP 6

TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

- Khoanh đúng mỗi câu được 0.25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	A	C	B	B	C	D	C	B	C	A	C	D	D	C	C	B

TỰ LUẬN: 5 điểm

Câu 17: (1,0 điểm)

Tế bào được coi là đơn vị cơ bản của các cơ thể sống vì:

- Tất cả các cơ thể sinh vật (thực vật, động vật, con người,...) đều được cấu tạo từ tế bào
→ Tế bào là đơn vị cấu trúc của các cơ thể sống. (0.5 đ)

- Tuy nhỏ bé nhưng tế bào có thể thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản như sinh trưởng (lớn lên), hấp thụ chất dinh dưỡng, hô hấp, cảm ứng, bài tiết và sinh sản → Tế bào là đơn vị chức năng của các cơ thể sống. (0.5 đ)

Câu 18.

Lựa chọn đúng dụng cụ đo cho mỗi phép đo được 0,25 đ

STT	Phép đo	Tên dụng cụ đo
1	Đo thân nhiệt(nhiệt cơ thể)	Nhiệt kế y tế
2	Đo khối lượng cơ thể	Cân khối lượng
3	Đo diện tích lớp học	Thước dây
4	Đo thời gian đun sôi một lít nước	Đồng hồ bấm giây

Câu 19. Vẽ đúng phương, chiều, độ lớn (1,0 đ)

Câu 20. Cho đúng mỗi ví dụ được (0,5 đ)

Câu 21. Dụng cụ đo lực là lực kế, đơn vị đo là Niuton. Kí hiệu N. (0,5 đ)

Câu 22:

a) Quá trình chất ở thể rắn chuyển sang thể lỏng gọi là sự nóng chảy. (0,5đ)

Quá trình chất chuyển từ thể lỏng sang thể khí (thể hơi) gọi là sự hoá hơi. (0,5đ)

b) Ví dụ vật thể tự nhiên: Cây lúa có chứa nhiều chất như: tinh bột, nước, chất xơ ... (0,25đ)

Ví dụ về vật thể nhân tạo: Xe đạp có chứa các chất: nhôm, sắt, nhựa, cao su ... (0,25đ)

(Học sinh có câu trả lời đúng khác vẫn cho điểm tối đa)

..... **HẾT**